TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

- *Thư ký ghi biên bản*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2022/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 777/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 855/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị O, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lữ Văn Đ, sinh năm 1969, cư trú: tổ 4, ấp T, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà O vắng mặt có đơn; ông Đ vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Bùi Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà O và ông Đ là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 - 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ đi làm ăn xa phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Bà O lên tiếng khuyên ngăn thì ông tỏ vẻ khinh thường, có lời so sánh thô tục, xúc phạm danh dự của bà O. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Hai bên gia đình đã hàn gắn nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lữ Văn L, sinh năm 1996; Lữ Cẩm T, sinh năm 1999 và Lữ Thị Mỹ K, sinh ngày 20/8/2007, cháu L và T đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu K hiện đang do bà O chăm sóc, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông Đ.

Cháu Lữ Thị Mỹ K có văn bản trình bày ý kiến: Ông Lữ Văn Đ là cha ruột, bà Bùi Thị O là mẹ ruột của cháu. Cha mẹ cháu đã không còn sống chung khi cháu mới 10 tuổi, hiện nay cháu đã nghỉ học do gia đình quá khó khăn, hiện cháu đi theo mẹ để làm công nhân. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Đ theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà O để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo bản sao sổ hộ khẩu số 1859^{A} ngày 13/12/2002 của Công an xã P thể hiện ông Lữ Văn Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã P chưa thực hiện tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân được ông Lê Văn P cho biết: Ông là cha dượng của bà O. Ông bà là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới. Ông Đ và bà O do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ nên kinh tế khó khăn nên đi làm ăn xa để kiếm thêm thu nhập, thời gian đầu ông Đ tu chí làm ăn về sau thì ông phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ mặc gia đình. Bà O lên tiếng khuyên ngăn thì ông Đ lớn tiếng, có lời xúc phạm bà O, đến khi cưới gả con cái ông Đ không có trách nhiệm. Nay bà O xin ly hôn gia đình không ý kiến, tùy bà quyết định.

Tại phiên tòa, bà O vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà O chung sống với ông Đ đến khoảng năm 2012 - 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà O và ông Đ xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A vào ngày 07/12/2002 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà O vẫn cương quyết xin được ly hôn. Tại phiên hòa giải bà O yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm, ông Đ nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không Đ thể hiện việc bỏ mặt không có ý định hàn gắn tình cảm với bà O.

Tại phiên tòa hôm nay bà O vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ khoảng năm 2012 - 2013 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà O cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Ông Đ đi làm ăn xa phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Bà O lên tiếng khuyên ngăn thì ông tỏ vẻ khinh thường, có lời so sánh thô tục, xúc phạm danh dự của bà O. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Lê Văn P là cha dượng của ông Đ. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Lữ Văn L, sinh năm 1996; Lữ Cẩm T, sinh năm 1999 và Lữ Thị Mỹ K, sinh ngày 20/8/2007, cháu L và T đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu K hiện đang do bà O chăm sóc, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của bà O về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà O cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Quan trọng hơn cháu Lữ Thị Mỹ K có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà O nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu K cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà O không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà O cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà O là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị O được ly hôn với ông Lữ Văn Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 403 ngày 07/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A mang tên ông Lữ Văn Đ và bà Bùi Thị O không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị O được tiếp tục nuôi cháu Lữ Thị Mỹ K, sinh ngày 20/8/2007.

Công nhận tự nguyện của bà O không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà O cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007231 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà O nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2022), thời hạn kháng cáo của bà O và ông Đ được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs